

Bản án số: 63/2022/HS-ST

Ngày: 14-7-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/HSST-QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/HSST-QĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1964 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Y và bà Đỗ Thị Ng; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T; địa chỉ: số 10, đường M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T: Ông Nguyễn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: 150/88, P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 3 năm 2022), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty Cổ phần tập đoàn T; địa chỉ: số 19, KCN B, đường 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

2. Công ty Bảo hiểm P; địa chỉ: số 13, A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Bảo hiểm P: Ông Nguyễn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: 150/88, P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 9 năm 2020), có mặt.

3. Anh Lý Hoàng Lâm S, sinh năm 1988; nơi cư trú: 40, H, Phường U, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 10, M, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Ông Lê Trung S, sinh năm 1964; nơi cư trú: khối B, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lê Văn T có bằng lái xe mô tô hạng A1.

Khoảng 06 giờ 20 phút, ngày 19 tháng 11 năm 2019, T điều khiển xe mô tô biển số 92K2-9597 lưu thông trên Quốc lộ 13 hướng từ thị xã B, tỉnh Bình Dương đi huyện C, tỉnh Bình Phước. Khi đi đến đoạn đường thuộc khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, T chuyển hướng từ lề phải sang lề trái không chú ý quan sát, chuyển hướng không an toàn nên va chạm tại làn ô tô con với xe ô tô biển số 51F-943.74 do anh Lý Hoàng Lâm S điều khiển đang lưu thông cùng chiều.

Hậu quả: T bị thương nặng, xe ô tô biển số 51F-943.74 và mô tô biển số 92K2-9597 bị hư hỏng.

Vật chứng tạm giữ: 01 mô tô biển số 92K2-9597, 01 xe ô tô biển số 51F-943.74, 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 790151258941, 01 giấy chứng nhận đăng ký số 366720, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 8021967, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Văn T.

Hiện trường sau tai nạn xảy ra để lại như sau: hiện trường là đoạn đường giao nhau, mặt đường bằng phẳng được trải nhựa cứng, tầm nhìn lái xe không bị che khuất, phần đường có hướng phương tiện lưu thông từ thị xã B đến huyện C rộng 10m90 chia thành 03 làn đường: làn đường mô tô rộng 3m40, làn đường ô tô tải rộng 3m70, làn đường ô tô con rộng 3m80.

Xác định trụ điện số 182 nằm bên trong lề đường bên phải có hướng phương tiện đi từ thị xã B đến huyện C làm mốc. Lấy mép lề đường bên phải có hướng phương tiện đi từ thị xã B đến huyện C làm mép lề chuẩn. Tất cả dấu vết tại hiện trường được đo vào lề chuẩn. Vị trí (đánh số tự nhiên từ 01 – 06), phương tiện, dấu vết ở hiện trường như sau:

Vị trí thứ 1: Điểm va chạm nằm trên làn đường xe ô tô con lưu thông, điểm va chạm cách mép lề chuẩn là 08m30.

Vị trí thứ 2: Vết cày xe mô tô biển số 92K2-9597 sau tai nạn nằm trên làn đường ô tô con lưu thông, từ điểm đầu vết cày cách mép lề chuẩn là 08m40, khoảng cách từ điểm đầu vết cày đo đến điểm va chạm là 01m85, từ điểm đầu vết cày đo đến góc chân trước bên phải xe mô tô là 21m00.

Vị trí thứ 3: Xe ô tô biển số 51F-943.74 sau tai nạn dừng trên làn ô tô con lưu thông, đầu xe ô tô con hướng đi huyện C, đuôi xe ô tô hướng thị xã B. Trục bên phải: bên trái xe ô tô cách mép lề chuẩn làn lượt là 08m40, khoảng cách từ trục sau bên trái xe ô tô con đo đến điểm đầu vết cày là 16m85. Trục trước bên trái đến đầu dây phân cách là 00m70.

Vị trí thứ 4: Sau tai nạn xe mô tô biển số 92K2-9597 ngã nghiêng bên phải trên làn đường ô tô con lưu thông, đầu xe mô tô hướng dây phân cách giữa, đuôi xe mô tô hướng vào lề chuẩn. Trục trước xe mô tô đo vào lề chuẩn là 10m00, trục sau xe mô tô đo vào lề chuẩn là 08m80, khoảng cách từ trục trước xe mô tô đo đến trục trước bên trái xe ô tô là 00m80, khoảng cách từ trục sau xe mô tô đo đến trục trước bên phải xe ô tô là 01m00.

Vị trí thứ 5: Trụ điện số 182 nằm bên trong lề đường bên phải, từ trụ điện đo ra lề chuẩn là 04m50, khoảng cách từ trụ điện đo đến điểm va chạm là 12m40, khoảng cách từ trụ điện đo đến điểm đầu vết cày là 13m20.

Vị trí thứ 6: Trụ biển báo hiệu giao nhau với đường không ưu tiên nằm bên trong lề chuẩn, từ biển báo hiệu đo ra lề chuẩn là 01m00, khoảng cách từ trụ biển báo đo đến điểm đầu vết cày là 37m70.

Sau tai nạn xe ô tô 51F-943.74 bị hư hỏng: hệ thống đèn phía trước bên phải; hệ thống đèn sương mù bên phải.

Sau tai nạn xe mô tô 92K2-9597 bị hư hỏng: hệ thống đèn xi nhan phía sau; hệ thống đèn chiếu sáng phía sau.

Xe ô tô biển số 51F-943.74 do Văn phòng đại diện Công ty T (nay là Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T) là chủ sở hữu. Sau khi xe ô tô biển số 51F bị hư hại, Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T đã yêu cầu Công ty Bảo hiểm P sửa chữa. Ngày 06 tháng 10 năm 2021, Công ty Bảo hiểm P đã hoàn thành việc sửa chữa với chi phí là 291.205.687 đồng. Sau khi xe ô tô biển số 51F được sửa chữa, Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T không có yêu cầu gì thêm.

Công ty Bảo hiểm P yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại 248.439.510 đồng và chi phí sửa chữa 42.766.177 đồng, tổng số tiền là 291.205.687 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền trên nhưng hiện chưa có tiền để bồi thường.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Bàu Bàng ngày 16 tháng 3 năm 2022 kết luận: 01 đèn pha trước phải, 01 bóng đèn D1 (12v 35W), 01 hộp điều khiển đèn pha, 01 bóng đèn PY24W, 01 hộp Ballast đèn xenon, 02 đèn ban ngày, 01 két nước, 01 nắp ca pô, 01 bản lề ca pô trái, 01 bản

lễ ca pô phải, 01 xốp giảm chấn cản trước, 01 xương cản trước, 01 bát sắt giữ xương ngang đầu xe phải, 01 bát giữ đèn pha phải, 01 cản trước, 01 ốp đèn dưới cản trước, 01 chụp nhựa che móc kéo xe trước, 01 mí lưới cản phải, 01 lưới cửa ron cản bên phải, 01 lưới cản dưới ga lăng, 01 hộc két nước, 01 hòng dẫn gió làm mát đĩa phanh bánh trước phải, 01 ri vê, 01 mặt nạ phải, 01 đèn sương mù phải. Tổng trị giá 248.439.510 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản.

Về xử lý vật chứng:

Xe ô tô biển số 51F, 01 giấy chứng nhận đăng ký số 366720, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 8021967, là tài sản hợp pháp Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T. Ngày 06 tháng 01 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T.

Giấy phép lái xe hạng B2 số 790151258941 là tài sản hợp pháp của anh Lý Hoàng Lâm S. Ngày 06 tháng 01 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho anh S.

Quá trình điều tra, xe mô tô 92K2-9597 do ông Lê Trung S đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô xe máy. Qua xác minh, ông S đã chuyển hộ khẩu thường trú đi khỏi địa phương vào năm 2014, không rõ hiện tại đang ở đâu. T khai nhận, T mua xe mô tô trên của một người không rõ họ tên, địa chỉ tại huyện C, tỉnh Bình Phước. Khi mua bán xe không làm giấy tờ, xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 5 năm 2020, Cơ quan điều tra đã đăng báo 03 kỳ liên tiếp thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Lê Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Bản Cáo trạng số 43/CT-VKSBB ngày 13 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên bổ sung nội dung Cáo trạng số 43/CT-VKSBB ngày 13 tháng 5 năm 2022 như sau: Cáo trạng này thay thế cho Cáo trạng số 44/CT-VKSBB ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260, các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 92K2-9597, số khung LC4PCGL48X0003055, số máy HD150FMG-3*Y0080019* (bị cong gãy phuộc sau và bệ đèn đuôi sau xe, không kiểm tra máy móc bên trong) không có nguồn gốc hợp pháp.

Trả lại cho Lê Văn T 01 (một) giấy phép lái xe số 620133005899 mang tên Lê Văn T.

Bị cáo Lê Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T tại phiên tòa yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Bảo hiểm P yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 291.205.687 (hai trăm chín mươi một triệu hai trăm lẻ năm nghìn sáu trăm tám mươi bảy) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lý Hoàng Lâm S và ông Lê Trung S vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố không có yêu cầu gì.

Bị cáo Lê Văn T nói lời sau cùng: bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi không thực hiện kiểm tra tình trạng sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích khác đối với bị cáo T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lý Hoàng Lâm S là thiếu sót (hành vi này không thể khắc phục được trong giai đoạn xét xử), đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình điều tra, truy tố.

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 06 giờ 20 phút, ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại đoạn đường thuộc khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương bị cáo Lê Văn T đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 92K2-9597 lưu thông trên Quốc lộ 13 hướng từ thị xã B, tỉnh Bình Dương đi huyện C, tỉnh Bình Phước chuyển hướng từ lề phải sang lề trái không chú ý quan sát, chuyển hướng không an toàn đã va chạm tại làn ô tô con với xe ô tô biển số 51F-943.74 do anh Lý Hoàng Lâm S điều khiển lưu thông cùng chiều gây thiệt hại về tài sản là 248.439.510 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại về tài sản.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm và gây thiệt hại tài sản của tổ chức, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5.2] Về nhân thân: tại thời điểm phạm tội, bị cáo T không bị kết án, không bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của bị cáo T là tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là con của liệt sĩ Lê Văn Y, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Xét, tình hình về an toàn giao thông trong thời gian gần đây diễn biến phức tạp do sự gia tăng nhanh của các phương tiện giao thông và ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông kém. Số vụ va chạm về giao thông nhất là giao thông đường bộ không ngừng tăng về số lượng và mức độ làm thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản của cá nhân, tổ chức. Trong vụ án này, bị cáo T tình điều khiển xe mô tô khi chuyển hướng không an toàn, không

chú ý quan sát dẫn đến va chạm gây thiệt hại về tài sản cho Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn T. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Xét, bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Văn T về việc bồi thường cho Công ty Bảo hiểm P số tiền là 291.205.687 (hai trăm chín mươi một triệu hai trăm lẻ năm nghìn sáu trăm tám mươi bảy) đồng theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Về vật chứng:

01 (một) xe mô tô biển số 92K2-9597, số khung LC4PCGL48X0003055, số máy HD150FMG-3*Y0080019* (bị cong gãy phuộc sau và bể đèn đuôi sau xe, không kiểm tra máy móc bên trong) không có nguồn gốc hợp pháp nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 (một) giấy phép lái xe số 620133005899 mang tên Lê Văn T là giấy tờ hợp pháp của bị cáo Lê Văn T, trả lại cho bị cáo T theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về án phí: bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 260; các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 46, 47, 48, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23, 26 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Lê Văn T bồi thường cho Công ty Bảo hiểm P số tiền 291.205.687 (hai trăm chín mươi một triệu hai trăm lẻ năm nghìn sáu trăm tám mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 92K2-9597, số khung LC4PCGL48X0003055, số máy HD150FMG-3*Y0080019* (bị cong gãy phuộc sau và bệ đèn đuôi sau xe, không kiểm tra máy móc bên trong) (Theo biên

bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

Trả lại cho Lê Văn T 01 (một) giấy phép lái xe số 620133005899 mang tên Lê Văn T (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.560.284 (mười bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân (nếu có);
- UBND thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết

